

Số: *05* /2019/TT-BGDĐT

Hà Nội, ngày *05* tháng *4* năm 2019

THÔNG TƯ

Ban hành Danh mục thiết bị dạy học tối thiểu lớp 1

Căn cứ Luật giáo dục ngày 14 tháng 6 năm 2005;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật giáo dục ngày 25 tháng 11 năm 2009;

Căn cứ Nghị định số 69/2017/NĐ-CP ngày 25 tháng 5 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Cơ sở vật chất; Vụ trưởng Vụ Giáo dục Tiểu học;

Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Thông tư ban hành Danh mục thiết bị dạy học tối thiểu lớp 1.

Điều 1. Ban hành kèm theo Thông tư này Danh mục thiết bị dạy học tối thiểu lớp 1, bao gồm: Môn Toán, môn Tiếng Việt, môn Tự nhiên và Xã hội, môn Âm nhạc, môn Mĩ thuật (cho 01 phòng học bộ môn), môn Giáo dục thể chất, môn Đạo đức, hoạt động trải nghiệm và thiết bị dùng chung.

Căn cứ vào Danh mục thiết bị dạy học tối thiểu lớp 1 ban hành kèm theo Thông tư này, các sở giáo dục và đào tạo có trách nhiệm chỉ đạo việc mua sắm, tự làm, sưu tầm, bảo quản và sử dụng thiết bị phục vụ dạy học tại các cơ sở giáo dục tiểu học bắt đầu từ năm học 2020-2021.

Điều 2. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày *21* tháng *5* năm 2019

Thông tư này thay thế những quy định về Danh mục thiết bị dạy học tối thiểu lớp 1 tại Thông tư số 15/2009/TT-BGDĐT ngày 16 tháng 7 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Danh mục thiết bị dạy học tối thiểu cấp tiểu học.



Điều 3. Chánh Văn phòng, Cục trưởng Cục Cơ sở vật chất, Vụ trưởng Vụ Giáo dục Tiểu học và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan thuộc Bộ Giáo dục và Đào tạo; Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; Giám đốc sở giáo dục và đào tạo; các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này./. *mm*

Nơi nhận:

- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Quốc hội;
- Ủy ban VHGDĐTNNĐ của Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Ủy ban TW Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan Trung ương các đoàn thể;
- Cục kiểm tra VBQPPL (Bộ Tư pháp);
- Ủy ban Quốc gia đổi mới giáo dục và đào tạo;
- Hội đồng Quốc gia Giáo dục và Phát triển nhân lực;
- UBND các tỉnh, TP trực thuộc TW;
- Các Bộ, CQ ngang Bộ, CQ thuộc Chính phủ;
- Bộ trưởng;
- Như Điều 3 (để thực hiện);
- Công báo;
- Cổng TTĐT của Chính phủ;
- Cổng TTĐT của Bộ GD&ĐT;
- Lưu: VT, Cục CSVC, Vụ GDTH, Vụ PC (20b).

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



mm
Nguyễn Hữu Độ

DANH MỤC

Thiết bị dạy học tối thiểu lớp 1

(Kèm theo Thông tư số 05 /2019/TT-BGDĐT ngày 05 / 4 /2019 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

I. Danh mục thiết bị dạy học tối thiểu môn Toán

Số TT	Chủ đề dạy học	Tên thiết bị	Mục đích sử dụng	Mô tả chi tiết về thiết bị dạy học	Đối tượng sử dụng		Đơn vị	Số lượng
					GV	HS		
A	SỐ VÀ PHÉP TÍNH							
1	Số tự nhiên	Bộ thiết bị dạy chữ số và so sánh số	Giúp học sinh thực hành nhận biết số, đọc, viết, so sánh các số tự nhiên trong phạm vi từ 0 đến 100	Gồm: a) Các thẻ chữ số từ 0 đến 9. Mỗi chữ số có 4 thẻ chữ, in chữ màu và gắn được lên bảng; kích thước mỗi thẻ (30x50)mm. b) Thẻ dấu so sánh (lớn hơn, bé hơn, bằng); mỗi dấu 02 thẻ, in chữ màu và gắn được lên bảng; kích thước mỗi thẻ (30x50)mm. <i>Vật liệu: Bằng nhựa (hoặc vật liệu có độ cứng tương đương), không cong vênh, chịu được nước, có màu tươi sáng, an toàn trong sử dụng.</i>		x	Bộ	1bộ/hs
2	Phép tính	Bộ thiết bị dạy phép tính	Giúp học sinh thực hành cộng, trừ trong phạm vi 10, cộng trừ (không nhớ) trong phạm vi 100	Gồm: a) Thẻ dấu phép tính (cộng, trừ); mỗi dấu 02 thẻ, in chữ màu và gắn được lên bảng; kích thước mỗi thẻ (30x50)mm. b) 20 que tính: Dài 100mm; tiết diện ngang 3mm; 10 khối lập phương kích thước (40x40x40)mm. c) 10 thẻ bó chục que tính: Mỗi thẻ có 10 que tính gắn liền nhau, in màu, mỗi que tính có kích thước (100x3)mm. d) 10 thẻ thanh chục khối lập phương: Mỗi thẻ có 10 khối lập phương chồng khít lên nhau, in màu mỗi khối lập phương có kích		x	Bộ	1bộ/hs

Số TT	Chủ đề dạy học	Tên thiết bị	Mục đích sử dụng	Mô tả chi tiết về thiết bị dạy học	Đối tượng sử dụng		Đơn vị	Số lượng
					GV	HS		
				thước (15x15x15)mm. <i>Vật liệu: Bằng nhựa (hoặc vật liệu có độ cứng tương đương), không cong vênh, chịu được nước, có màu tươi sáng, an toàn trong sử dụng.</i>				
B	HÌNH HỌC VÀ ĐO LƯỜNG							
1	Hình phẳng và hình khối	Bộ thiết bị dạy hình phẳng và hình khối	Giúp học sinh thực hành nhận dạng hình phẳng và hình khối, lắp ghép xếp hình	Gồm: a) Các hình phẳng gồm: 6 hình tam giác đều cạnh 40mm; 4 hình tam giác vuông cân có cạnh góc vuông 50mm; 2 hình tam giác vuông có 2 cạnh góc vuông 40mm và 60mm; 10 hình vuông kích thước (40x40)mm; 8 hình tròn đường kính 40mm, 2 hình chữ nhật kích thước (40x80)mm; b) 10 khối hộp chữ nhật kích thước (40x40x50)mm; <i>Vật liệu: Bằng nhựa, gỗ (hoặc vật liệu có độ cứng tương đương), không cong vênh, chịu được nước, có màu tươi sáng, an toàn trong sử dụng.</i>		x	Bộ	1bộ/hs
2	Thời gian	Mô hình đồng hồ	Giúp học sinh thực hành xem đồng hồ	Mô hình đồng hồ có thể quay được cả kim giờ, kim phút.	x		Chiếc	1chiếc/lớp

II. Danh mục thiết bị dạy học tối thiểu môn Tiếng Việt

Số TT	Chủ đề dạy học	Tên thiết bị	Mục đích sử dụng	Mô tả chi tiết về thiết bị dạy học	Đối tượng sử dụng		Đơn vị	Số lượng
					GV	HS		
I	TẬP VIẾT							
1		Tranh: Bộ mẫu chữ viết	Giúp học sinh thực hành quan sát, ghi nhớ mẫu chữ viết để viết cho đúng, đẹp, kích thích hứng thú luyện	a) Bộ mẫu chữ viết quy định trong trường tiểu học được phóng to, in 2 màu. Gồm 8 tờ, kích thước (540x790)mm, dung sai 10mm, in trên giấy couché, định lượng 200g/m2, cán láng OPP mờ, trong đó: - 4 tờ in bảng chữ cái viết thường, dấu thanh và chữ số - 4 tờ in bảng chữ cái viết hoa.	x	x	Bộ	1bộ/lớp

Số TT	Chủ đề dạy học	Tên thiết bị	Mục đích sử dụng	Mô tả chi tiết về thiết bị dạy học	Đối tượng sử dụng		Đơn vị	Số lượng
					GV	HS		
			viết chữ đẹp của học sinh.	b) Mẫu chữ cái viết thường và chữ cái viết hoa đều được thể hiện ở 4 dạng: Chữ viết đứng, nét đều; chữ viết đứng, nét thanh, nét đậm; chữ viết nghiêng (15°), nét đều; chữ viết nghiêng, nét thanh, nét đậm.				
2		Tranh: Bộ chữ dạy tập viết	Giúp học sinh thực hành quan sát mẫu chữ để hình thành biểu tượng về chữ cái, nhận biết các nét cơ bản và quy trình viết một chữ cái trước khi thực hành luyện tập bằng nhiều hình thức khác nhau.	Bộ mẫu chữ viết quy định trong trường tiểu học được phóng to, in 2 màu. Gồm 39 tờ, kích thước (210x290)mm, dung sai 10mm, in từng chữ cái, chữ số trên giấy couché, định lượng 200g/m ² , cán láng OPP mờ. Trong đó: - 29 tờ in các chữ cái tiếng Việt (một mặt in chữ cái viết thường, một mặt in chữ cái viết hoa kiểu 1). - 5 tờ in chữ số kiểu 1 (gồm 10 chữ số từ 0 đến 9, in ở hai mặt). - 5 tờ một mặt in chữ cái viết hoa kiểu 2, một mặt in chữ số kiểu 2.	x		Bộ	1bộ/lớp
II HỌC VẦN								
1		Bộ thẻ chữ học vần thực hành	Giúp học sinh thực hành ghép vần, ghép tiếng khoá, từ khoá, từ ngữ ứng dụng và thực hành vận dụng sáng tạo (ghép tiếng, từ mở rộng trên cơ sở các âm, vần, thanh đã học).	Bộ mẫu chữ viết quy định trong trường tiểu học được phóng to, in 2 màu. Bao gồm: - 80 thẻ chữ, kích thước (20x60)mm, in 29 chữ cái tiếng Việt (Font chữ Vnavant, cỡ 72, kiểu chữ đậm), in màu trên nhựa, gỗ (hoặc vật liệu có độ cứng tương đương), không cong vênh, chịu được nước, có màu tươi sáng, an toàn trong sử dụng; trong đó: <i>d, đ, k, p, q, r, s, v, x, y</i> (mỗi chữ cái có 2 thẻ); <i>a, ă, â, b, c, e, ê, g, i, l, n, o, ô, ơ, u, w</i> (mỗi chữ cái có 3 thẻ); <i>h, m, t</i> (mỗi chữ cái có 4 thẻ); - 12 thẻ dấu ghi thanh, in màu trên mảnh nhựa trong, dùng để cài lên thẻ chữ; trong đó: <i>hỏi, ngã, nặng</i> (mỗi dấu có 2 mảnh), <i>huyền, sắc</i> (mỗi dấu có 3 mảnh).		x	Bộ	1bộ/hs
2		Bộ chữ học vần biểu diễn	Hướng dẫn quá trình học tập âm vần mới bằng trực quan sinh động, hấp dẫn, góp	Bộ mẫu chữ viết quy định trong trường tiểu học. Bao gồm: - 97 thẻ chữ, kích thước (60x90)mm, in 29 chữ cái tiếng Việt (Font chữ Vnavant, cỡ 150), in đậm trên giấy couché, định lượng 200g/m ² , cán láng OPP mờ: <i>b, d, đ, e, l, ơ, r, s, v, x</i> (mỗi chữ cái	x		Bộ	1bộ/lớp

Số TT	Chủ đề dạy học	Tên thiết bị	Mục đích sử dụng	Mô tả chi tiết về thiết bị dạy học	Đối tượng sử dụng		Đơn vị	Số lượng
					GV	HS		
			phần chuẩn hoá và tăng thêm tính thẩm mỹ trong việc trình bày bảng ở lớp 1, đồng thời giúp giáo viên tổ chức trò chơi học tập, làm cho giờ học nhẹ nhàng, hứng thú và có hiệu quả cao.	có 2 thẻ); ă, â, q (mỗi chữ cái có 3 thẻ); a, c, ê, g, i, k, m, o, ô, p, u, u, y (mỗi chữ cái có 4 thẻ); n, t (mỗi chữ cái có 5 thẻ); h (6 thẻ). - Dấu ghi thanh (huyền, sắc, hỏi, ngã, nặng); dấu câu (dấu chấm, dấu phẩy, dấu chấm hỏi); in trên mảnh nhựa trong để cài lên thẻ chữ; mỗi dấu có 2 mảnh. Lưu ý: - Các thẻ được in 2 mặt (chữ màu đỏ), một mặt in chữ cái thường, mặt sau in chữ cái hoa tương ứng. - Bảng phụ có 6 thanh nẹp để gắn chữ (6 dòng), kích thước (1.000x900)mm.				

III. Danh mục thiết bị dạy học tối thiểu môn Tự nhiên và Xã hội

Số TT	Chủ đề dạy học	Tên thiết bị	Mục đích sử dụng	Mô tả chi tiết về thiết bị dạy học	Đối tượng sử dụng		Đơn vị	Số lượng
					GV	HS		
I	CỘNG ĐỒNG ĐỊA PHƯƠNG							
	An toàn trên đường	Bộ sa bàn giáo dục giao thông	Giúp học sinh hình thành năng lực tìm tòi khám phá kiến thức thông qua quan sát; vận dụng những kiến thức đã học vào thực tiễn cuộc sống.	Gồm: a) 01 sa bàn ngã tư đường phố (mô tả nút giao thông), có vạch chỉ dẫn đường dành cho người đi bộ; kích thước (420x420)mm; có lỗ ở gần các góc ngã tư và được bố trí phù hợp để cắm các cột đèn tín hiệu và biển báo. Có thể gấp gọn khi không sử dụng. b) 04 cột đèn tín hiệu giao thông; kích thước phù hợp với kích thước sa bàn; có thể cắm đứng tại các góc ngã tư trên sa bàn. c) Một số cột biển báo (Đường dành cho người đi bộ; nhường đường cho người đi bộ; cấm người đi bộ; cấm đi ngược chiều; giao nhau với đường sắt; đá lở); kích thước phù hợp với kích thước sa bàn; có thể cắm đứng tại các vị trí phù hợp trên sa bàn.		x	Bộ	1bộ/6hs



mm

Số TT	Chủ đề dạy học	Tên thiết bị	Mục đích sử dụng	Mô tả chi tiết về thiết bị dạy học	Đối tượng sử dụng		Đơn vị	Số lượng
					GV	HS		
				d) Mô hình một số phương tiện giao thông (Ô tô 4 chỗ; xe buýt; xe tải; xe máy; xe đạp); kích thước phù hợp với kích thước sa bàn. <i>Vật liệu: Bằng nhựa, gỗ (hoặc vật liệu có độ cứng tương đương), không cong vênh, chịu được nước, có màu tươi sáng, an toàn trong sử dụng.</i>				
II	CON NGƯỜI VÀ SỨC KHỎE							
1	Các bộ phận bên ngoài và giác quan của cơ thể	1.1. Bộ tranh: Cơ thể người và các giác quan	Giúp học sinh hình thành năng lực tìm tòi khám phá kiến thức thông qua quan sát.	Gồm 7 tờ tranh câm (không ghi chú thích), kích thước (148x210)mm, in offset 4 màu in trên giấy couché có định lượng 200g/m ² , cán láng OPP mờ. Trong đó: a) 01 tranh hình vẽ cơ thể bé trai; b) 01 tranh hình vẽ cơ thể bé gái. <i>(Lưu ý: Hình vẽ thể hiện khái quát bộ phận sinh dục ngoài của bé trai và bé gái).</i> c) 01 tranh hình vẽ mắt (thị giác) d) 01 tranh hình vẽ tai (thính giác) đ) 01 tranh hình vẽ mũi (khứu giác) e) 01 tranh hình vẽ lưỡi (vị giác) g) 01 tranh hình vẽ bàn tay (thể hiện xúc giác)		x	Bộ	1bộ/6hs
		1.2. Bộ tranh: Những việc nên và không nên làm để phòng tránh tật cận thị học đường	Giúp học sinh hình thành năng lực tìm tòi khám phá kiến thức thông qua quan sát; vận dụng kiến thức đã học vào thực tế cuộc sống.	Gồm 6 tờ tranh minh họa việc nên làm và không nên làm để phòng tránh tật cận thị học đường, kích thước (148x210)mm, in offset 4 màu in trên giấy couché có định lượng 200g/m ² , cán láng OPP mờ. Trong đó: a) 01 tranh minh họa: Ngồi viết (hoặc đọc sách) đúng tư thế, đúng khoảng cách, đúng vị trí chiếu sáng và đủ ánh sáng; b) 01 tranh minh họa: Khám mắt định kỳ; c) 01 tranh minh họa: Về các hoạt động ngoài trời; d) 01 tranh minh họa 2 tư thế: Ngồi viết đúng tư thế nhưng quá gần và ngồi viết đúng tư thế nhưng thiếu ánh sáng;		x	Bộ	1bộ/6hs

Số TT	Chủ đề dạy học	Tên thiết bị	Mục đích sử dụng	Mô tả chi tiết về thiết bị dạy học	Đối tượng sử dụng		Đơn vị	Số lượng
					GV	HS		
				đ) 01 tranh minh họa 2 tư thế: Nằm đọc sách và đọc sách đứng tư thế nhưng thiếu ánh sáng; e) 01 tranh minh họa 2 tư thế: Nhìn gần khi xem tivi và chơi game trên máy tính hoặc điện thoại.				
		1.3. Bộ tranh: Các việc cần làm để giữ vệ sinh cá nhân	Giúp học sinh hình thành năng lực tìm tòi khám phá kiến thức thông qua quan sát; vận dụng kiến thức đã học vào thực tế cuộc sống.	Gồm 18 tờ tranh minh họa việc cần làm để giữ vệ sinh cá nhân, kích thước (148x105)mm, in offset 4 màu trên giấy couché có định lượng 200g/m ² , cán láng OPP mờ. Trong đó: a) 06 tranh minh họa 6 bước rửa tay đúng cách (các bước rửa tay đúng cách theo chỉ dẫn của Bộ Y tế) b) 04 tranh minh họa rửa mặt (khăn sạch/nước sạch/rửa mặt/phơi khăn mặt dưới ánh sáng mặt trời) c) 08 tranh minh họa 8 bước đánh răng đúng cách (cách chải răng đúng theo chỉ dẫn của Bộ y tế)		x	Bộ	1bộ/6hs
2	Giữ cho cơ thể khỏe mạnh và an toàn	Bộ tranh về phòng tránh bị xâm hại	Giúp học sinh hình thành năng lực tìm tòi khám phá kiến thức thông qua quan sát; vận dụng kiến thức đã học vào thực tế cuộc sống.	Gồm 2 tờ tranh minh họa về phòng tránh bị xâm hại; kích thước (148x210)mm, in offset 4 màu in trên giấy couché có định lượng 200g/m ² , cán láng OPP mờ. Trong đó: a) 01 tranh minh họa quy tắc bảo vệ cơ thể bé trai và bé gái (phòng tránh bị xâm hại); với dòng chữ: “Hãy nhớ! Không để ai sờ, động chạm vào bộ phận cơ thể được đồ lót che kín. Trừ khi học sinh cần được bác sĩ khám bệnh”. b) 01 tranh minh họa ba bước phòng tránh bị xâm hại: - Hình ảnh học sinh nói không một cách kiên quyết - Hình ảnh học sinh lùi lại/bỏ đi hoặc chạy để thoát khỏi tình huống nguy hiểm. - Hình ảnh học sinh kể lại với người tin cậy những gì đã xảy ra với mình.		x	Bộ	1bộ/6hs

IV. Danh mục thiết bị dạy học tối thiểu môn Âm nhạc

Số TT	Chủ đề dạy học	Tên thiết bị	Mục đích sử dụng	Mô tả chi tiết về thiết bị dạy học	Đối tượng sử dụng		Đơn vị	Số lượng
					GV	HS		
	NHẠC CỤ							
I	Tiết tấu							
1		Thanh phách	Học sinh thực hành	Cặp thanh phách thông dụng (theo mẫu của nhạc cụ dân tộc hiện hành).	x	x	Cặp	35 cặp/trường
2		Song loan	Học sinh thực hành	Loại thông dụng (theo mẫu của nhạc cụ dân tộc hiện hành).	x	x	Cái	35 cái/trường
3		Trống nhỏ	Học sinh thực hành	Loại thông dụng (gồm trống và dùi gỗ). Trống có: Đường kính 200mm, chiều cao 70mm.	x	x	Bộ	10 bộ/trường
5		Triangle (Tam giác chuông)	Học sinh thực hành	Gồm triangle và thanh gỗ (theo mẫu của nhạc cụ thông dụng). Chiều dài mỗi cạnh của tam giác là 150mm.	x	x	Bộ	10 bộ/trường
6		Tambourine (Trống lục lạc)	Học sinh thực hành	Theo mẫu của nhạc cụ thông dụng. Đường kính 200mm, chất liệu mặt trống Meca.	x	x	Cái	10 cái/trường
II	Giai điệu							
1		Keyboard (đàn phím điện tử)	Giáo viên thực hành, làm mẫu, giảng dạy	Loại đàn thông dụng; có tối thiểu 61 phím cơ chuẩn; có tối thiểu 100 âm sắc và tối thiểu 100 tiết điệu. Dùng điện hoặc pin; có bộ nhớ để thu, ghi; có lỗ cắm tai nghe và đường ra để kết nối với bộ tăng âm; có đường kết nối với máy tính hoặc thiết bị khác.	x		Chiếc	01 chiếc/trường

V. Danh mục thiết bị dạy học tối thiểu môn Mỹ thuật (Cho phòng học bộ môn)

Số TT	Chủ đề dạy học	Tên thiết bị	Mục đích sử dụng	Mô tả chi tiết về thiết bị dạy học	Đối tượng sử dụng		Đơn vị	Số lượng
					GV	HS		
1		Bảng vẽ cá nhân	Học sinh thực hành	- Chất liệu: Bảng gỗ/nhựa cứng (hoặc vật liệu có độ cứng tương đương), không cong vênh, chịu được nước, an toàn trong sử dụng; - Độ dày tối thiểu 5mm; kích thước (300x420)mm.		x	Cái	35
2		Giá vẽ (3	Đặt bảng vẽ cá	- Chất liệu: Bảng gỗ/nhựa cứng (hoặc vật liệu có độ cứng tương		x	Cái	35

Số TT	Chủ đề dạy học	Tên thiết bị	Mục đích sử dụng	Mô tả chi tiết về thiết bị dạy học	Đối tượng sử dụng		Đơn vị	Số lượng
					GV	HS		
		chân hoặc chữ A)	nhân.	đương), không cong vênh, chịu được nước, an toàn trong sử dụng; - Có thể tăng giảm chiều cao phù hợp tầm mắt học sinh khi đứng hoặc ngồi vẽ. - Có thể di chuyển, xếp gọn trong lớp học.				
3		Bảng vẽ học nhóm		- Chất liệu: Bảng gỗ/nhựa cứng (hoặc vật liệu có độ cứng tương đương), không cong vênh, chịu được nước, an toàn trong sử dụng; - Độ dày tối thiểu 7mm; kích thước (420x600)mm.		x	Cái	6
4		Bục đặt mẫu	- Đặt mẫu để học sinh quan sát, thực hành. - Học sinh trưng bày sản phẩm	- Chất liệu: Bảng gỗ/nhựa cứng (hoặc vật liệu có độ cứng tương đương), không cong vênh, chịu được nước, an toàn trong sử dụng; - Kích thước tối thiểu: Chiều cao có thể điều chỉnh ở 3 mức (800mm–900mm–1.000mm); mặt đặt mẫu (400x500)mm, dày tối thiểu 7mm; - Kiểu dáng đơn giản, gọn, dễ di chuyển ở các vị trí khác nhau trong lớp học.	x	x	Cái	4
5		Các hình khối cơ bản	Giúp học sinh quan sát và thực hành	Các hình khối (mỗi loại 6 hình): Khối hộp chữ nhật kích thước (160x160x200)mm; Khối lập phương kích thước (160x160x160)mm; khối trụ kích thước (cao 200mm, tiết diện ngang 160mm); khối cầu đường kính 160mm. <i>Vật liệu: Bảng gỗ, nhựa cứng (hoặc vật liệu có độ cứng tương đương), không cong vênh, chịu được nước, có màu tươi sáng, an toàn trong sử dụng.</i>	x	x	Bộ	1
6		Máy chiếu (projector) (hoặc ti vi kết nối máy tính)	Trình chiếu, minh họa hình ảnh trực quan	Máy chiếu + Màn hình; loại thông dụng, cường độ sáng tối thiểu 3.000 Ansi Lumens.	x		Bộ	1
7		Thiết bị âm thanh (dàn âm thanh hoặc đài cassette)	Dùng cho một số nội dung kết hợp âm nhạc trong các hoạt động mỹ thuật	Loại thông dụng, công suất đủ nghe cho phòng từ 50m ² -70m ²	x		Bộ	1

VI. Danh mục thiết bị dạy học tối thiểu môn Giáo dục thể chất

Số TT	Chủ đề dạy học	Tên thiết bị	Mục đích sử dụng	Mô tả chi tiết về thiết bị dạy học	Đối tượng sử dụng		Đơn vị	Số lượng
					GV	HS		
A	ĐỘI HÌNH ĐỘI NGŨ							
1	1.1. Tập hợp đội hình hàng dọc, dóng hàng. 1.2. Động tác quay các hướng	Bộ tranh hoặc video về đội hình đội ngũ (ĐHĐN)	+ Giúp giáo viên minh họa cho học sinh quan sát + Học sinh thực hành theo các tư thế về ĐHĐN	- Gồm 3 tờ tranh minh họa tư thế, động tác của ĐHĐN phù hợp với nội dung chương trình môn học; các hình phải chính xác về tư thế, động tác; mỗi tờ kích thước (790x540)mm, dung sai 10mm, in offset 4 màu trên giấy couché có định lượng 200g/m ² , cán láng OPP mờ. - Hoặc xây dựng Video (trong Video có thể tổng hợp tất cả các nội dung từ lớp 1 đến lớp 4. Lớp 5 ôn luyện nội dung của 4 lớp đã học)	x	x	Bộ	6 bộ/trường
B	VẬN ĐỘNG CƠ BẢN							
1	1.1. Các tư thế hoạt động vận động cơ bản của đầu, cổ, tay, chân. 1.2. Các hoạt động vận động phối hợp của cơ thể.	Bộ tranh hoặc video về các tư thế vận động cơ bản (VĐCB)	+ Giúp giáo viên minh họa cho học sinh quan sát + Học sinh thực hành theo các nội dung về VĐCB	- Gồm 3 tờ tranh minh họa tư thế, động tác của VĐCB phù hợp với nội dung chương trình môn học; mỗi tờ kích thước (790x540)mm, dung sai 10mm, in offset 4 màu trên giấy couché có định lượng 200g/m ² , cán láng OPP mờ. - Hoặc xây dựng Video (trong Video có thể tổng hợp tất cả các nội dung từ lớp 1 đến lớp 5).	x	x	Bộ	6 bộ/trường
C	BÀI TẬP THỂ DỤC							
1	Bài tập thể dục lớp 1 (vươn thở, tay, chân, vận mình, lưng bụng, phối hợp, điều hòa).	Bộ tranh hoặc video về bài tập thể dục (BTTD)	+ Giúp giáo viên minh họa cho học sinh quan sát + Học sinh thực hành theo các tư thế của động tác BTTD	- Gồm 7 tờ tranh minh họa các động tác của bài tập thể dục lớp 1 phù hợp với nội dung chương trình môn học; mỗi tờ có tối thiểu 5 hình thể hiện động tác, kích thước (790x540)mm dung sai 10mm, in offset 4 màu trên giấy couché có định lượng 200g/m ² , cán láng OPP mờ. - Hoặc xây dựng Video (trong Video có thể tổng hợp tất cả các nội dung từ lớp 1 đến lớp 5)	x	x	Bộ	6 bộ/trường
D	DỤNG CỤ							
1		Đồng hồ bấm giây	Giúp giáo viên và học sinh thực hiện được nội	Loại điện tử hiện số, 2 LAP trở lên, độ chính xác 0,01 giây, không bị ngấm nước.	x		Chiếc	6 chiếc/trường

Số TT	Chủ đề dạy học	Tên thiết bị	Mục đích sử dụng	Mô tả chi tiết về thiết bị dạy học	Đối tượng sử dụng		Đơn vị	Số lượng	
					GV	HS			
			dụng bài học						
2		Còi	Giúp giáo viên và học sinh thực hiện được nội dung bài học	Loại thông dụng	x		Chiếc	6 chiếc/trường	
3		Cờ đuôi nheo		Bảng vải màu đỏ (vát một bên) cán cao 400mm.	x		Chiếc	12 chiếc/trường	
4		Thước dây		Thước có độ dài tối thiểu từ 10m.	x		Chiếc	6 chiếc/trường	
5		Nhạc tập bài tập Thể dục	Giúp giờ học sinh động, nâng cao chất lượng tập luyện của học sinh trong các bài học.	Đĩa CD (hoặc USB) ghi nhạc đếm 2x8 nhịp của các động tác thể dục; âm thanh chất lượng tốt.	x	x	Chiếc	2 chiếc/trường	
E	DỤNG CỤ THỂ THAO TỰ CHỌN (Chỉ trang bị những dụng cụ tương ứng với môn thể thao được nhà trường lựa chọn)								
1	Thể thao tự chọn	Đệm nhảy	Giúp giáo viên định hướng và tổ chức cho học sinh rèn luyện thông qua các trò chơi vận động gắn với các môn thể thao học sinh yêu thích, phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương, nhà trường	Bảng cao su tổng hợp, dày 0,025m, khổ (1000x1000)mm, có thể gắn vào nhau khi cần, không ngâm nước.		x	Chiếc	6 chiếc/trường	
2		Bóng đá và cầu môn bóng đá		- Bóng đá: Loại số 4, mẫu và kích thước theo tiêu chuẩn của Tổng cục TDTT, Bộ VHTTDL.		x	Quả	6 quả/trường	
				- Cầu môn bóng đá 5 người: Mẫu và kích thước của cầu môn theo tiêu chuẩn của Tổng cục TDTT, Bộ VHTTDL.		x	Bộ	1 bộ/trường	
3		Bóng rổ và cột bóng rổ		- Bóng rổ: Loại số 5, mẫu và kích thước theo tiêu chuẩn của Tổng cục TDTT, Bộ VHTTDL.		x	Quả	6 quả/trường	
				- Cột bóng rổ: Mẫu và kích thước theo tiêu chuẩn của Tổng cục TDTT, Bộ VHTTDL.		x	Bộ	2 bộ/trường	
4		Dây nhảy tập thể		Bảng sợi tổng hợp, độ dài tối thiểu 5m.		x	Chiếc	6 chiếc/trường	
5	Dây nhảy cá nhân	Bảng sợi tổng hợp, có tay cầm, độ dài khoảng 2,5m.		x	Chiếc	20 chiếc/trường			

Số TT	Chủ đề dạy học	Tên thiết bị	Mục đích sử dụng	Mô tả chi tiết về thiết bị dạy học	Đối tượng sử dụng		Đơn vị	Số lượng
					GV	HS		
6		Quả cầu đá, cột và lưới đá cầu		- Quả cầu đá: Mẫu và kích thước theo tiêu chuẩn của Tổng cục TDTT, Bộ VHTTDL. - Cột và lưới đá cầu: Mẫu và kích thước theo tiêu chuẩn của Tổng cục TDTT, Bộ VHTTDL.		x	Quả	1 quả/ 2 h.sinh
7		Bóng ném		Loại 150g, theo tiêu chuẩn của Tổng cục TDTT, Bộ VHTTDL.		x	Quả	6 quả/ trường
8		Bóng chuyền hơi, cột và lưới bóng chuyền hơi		- Bóng chuyền hơi: Chu vi 700mm - 750mm, trọng lượng 150gram. - Cột và lưới bóng chuyền hơi: Mẫu và kích thước theo tiêu chuẩn của Tổng cục TDTT, Bộ VHTTDL.		x	Quả	6 quả/ trường
9		Các bài nhạc dân vũ		Đĩa CD (hoặc USB) ghi các bài nhạc dân vũ; âm thanh chất lượng tốt.	x	x	Chiếc	2 chiếc/ trường

VII. Danh mục thiết bị dạy học tối thiểu môn Đạo đức

Số TT	Chủ đề dạy học	Tên thiết bị	Mục đích sử dụng	Mô tả chi tiết về thiết bị dạy học	Đối tượng sử dụng		Đơn vị	Số lượng
					GV	HS		
1	Yêu nước	Bộ tranh: Nghiêm trang khi chào cờ	Giáo dục thái độ hành vi nghiêm trang khi chào cờ	Bộ tranh thực hành gồm 2 tờ; kích thước (790x540)mm, in offset 4 màu trên giấy couché có định lượng 200g/m ² , cán láng OPP mờ. Minh họa: - Buổi chào cờ của học sinh Trường tiểu học - Chào cờ ở Lăng Bác Hồ.	x		Bộ	1bộ/gv
2	Nhân ái	Bộ tranh: Yêu gia đình	Giáo dục tình yêu thương gia đình	Bộ tranh thực hành gồm 5 tờ; kích thước (148x210)mm, in offset 4 màu in trên giấy couché có định lượng 200g/m ² , cán láng OPP mờ. Minh họa hành vi đúng và hành vi chưa đúng: - Gia đình sum họp gồm: ông, bà, cha, mẹ, anh, em. - Nhường đồ chơi cho em - Tranh giành đồ chơi với em nhỏ - Chăm sóc ông, bà, cha, mẹ	x	x	Bộ	1bộ/gv 1bộ/6hs

Số TT	Chủ đề dạy học	Tên thiết bị	Mục đích sử dụng	Mô tả chi tiết về thiết bị dạy học	Đối tượng sử dụng		Đơn vị	Số lượng
					GV	HS		
				- Lễ phép với anh, chị				
3	Trưng thực	Bộ tranh: Thật thà	Giáo dục đức tính thật thà	Bộ tranh thực hành gồm 5 tờ; kích thước (148x210)mm, in offset 4 màu trên giấy couché có định lượng 200g/m ² , cán láng OPP mờ. Minh họa hành vi đúng và hành vi chưa đúng: - Nhặt được của rơi trả lại người đánh mất - Nhặt được của rơi giữ làm của riêng - Không tự ý lấy đồ dùng của bạn - Tự ý lấy đồ dùng của bạn - Biết nhận lỗi khi mắc lỗi	x	x	Bộ	1bộ/gv 1bộ/6hs
4	Chăm chỉ	Bộ tranh: Tự giác làm việc của mình	Giáo dục đức tính chăm chỉ	Bộ tranh thực hành gồm 7 tờ; kích thước (148x210)mm, in offset 4 màu trên giấy couché có định lượng 200g/m ² , cán láng OPP mờ. Minh họa hành vi đúng và hành vi chưa đúng: - Tự gấp quần áo. - Tự giác học bài ở nhà - Không tự giác học bài - Tự chuẩn bị sách vở đồ dùng học tập đi học - Hăng hái phát biểu - Nói chuyện riêng trong giờ học - Vệ sinh lớp học	x	x	Bộ	1bộ/gv 1bộ/6hs
5	Trách nhiệm	5.1. Bộ tranh: Sinh hoạt nề nếp	Giáo dục phẩm chất trách nhiệm	Bộ tranh thực hành gồm 6 tờ; kích thước (148x210)mm, in offset 4 màu trên giấy couché có định lượng 200g/m ² , cán láng OPP mờ. Minh họa hành vi sinh hoạt nề nếp và không nề nếp: - Đặt báo thức, đi học đúng giờ - Sắp xếp quần áo gọn gàng, sạch sẽ - Sắp xếp sách vở, bàn học ngăn nắp - Sách vở, bàn học không ngăn nắp - Giữ gìn, bảo quản sách vở và đồ dùng học tập - Trang phục gọn gàng phù hợp	x	x	Bộ	1bộ/gv 1bộ/6hs
		5.2. Bộ	Giáo dục phẩm	Bộ tranh thực hành gồm 6 tờ; kích thước (148x210)mm, in offset 4 màu	x	x	Bộ	1bộ/gv

Số TT	Chủ đề dạy học	Tên thiết bị	Mục đích sử dụng	Mô tả chi tiết về thiết bị dạy học	Đối tượng sử dụng		Đơn vị	Số lượng
					GV	HS		
		tranh: Thực hiện nội quy trường, lớp	chất trách nhiệm	trên giấy couché có định lượng 200g/m ² , cán láng OPP mờ. Minh họa những hành vi thực hiện tốt và không thực hiện tốt nội quy trường lớp: - Vệ sinh trường, bỏ rác vào thùng - Lễ phép với thầy cô - Không vẽ bậy lên tường - Không nói chuyện riêng trong giờ học - Trật tự khi xếp hàng - Xô đẩy khi xếp hàng				1 bộ/6hs
6	Giáo dục kỹ năng sống	6.1. Bộ tranh: Tự chăm sóc bản thân	Giáo dục kỹ năng nhận thức, làm chủ bản thân	Bộ tranh thực hành gồm 7 tờ; kích thước (148x210)mm, in offset 4 màu trên giấy couché có định lượng 200g/m ² , cán láng OPP mờ. Minh họa hành vi tự chăm sóc bản thân và không tự chăm sóc bản thân: - Tự vệ sinh răng miệng - Tự mặc quần áo - Ngồi học đúng tư thế - Ngồi học không đúng tư thế - Tự rửa tay trước và sau khi ăn - Tập thể dục rèn luyện sức khỏe - Tự tắm gội	x	x	Bộ	1 bộ/gv 1 bộ/6hs
		6.2. Bộ tranh: Phòng tránh tai nạn thương tích	Giáo dục kỹ năng tự vệ	Bộ tranh thực hành gồm 6 tờ; kích thước (148x210)mm, in offset 4 màu trên giấy couché có định lượng 200g/m ² , cán láng OPP mờ. Minh họa một số tai nạn, thương tích và cách phòng, tránh tai nạn, thương tích: - Đuối nước – Phòng tránh đuối nước - Bỏng – Phòng tránh bỏng - Ngã – Phòng tránh ngã - Ngộ độc thực phẩm – Phòng tránh ngộ độc thực phẩm - Điện giật – Phòng tránh điện giật - Phòng tránh tai nạn giao thông (đi bộ, sang đường đúng quy định)	x	x	Bộ	1 bộ/gv 1 bộ/6hs



VIII. Danh mục thiết bị dạy học tối thiểu Hoạt động trải nghiệm

Số TT	Chủ đề dạy học	Tên thiết bị	Mục đích sử dụng	Mô tả chi tiết về thiết bị dạy học	Đối tượng sử dụng		Đơn vị	Số lượng
					GV	HS		
	Hoạt động phát triển cá nhân							
	Hoạt động tìm hiểu/khám phá bản thân	Bộ thẻ các gương mặt cảm xúc cơ bản	Giúp học sinh nhận diện các trạng thái cảm xúc cơ bản của bản thân thông qua gương mặt	Bộ tranh/thẻ rời, mỗi tranh/thẻ minh họa một gương mặt cảm xúc: Trạng thái bình thường, vui, buồn, cáu giận, sợ hãi. Bao gồm: a) 5 tờ tranh rời, mỗi tờ minh họa một gương mặt cảm xúc, kích thước (290x210)mm, in offset 4 màu trên giấy couché, định lượng 200g/m ² , cán láng OPP mờ. b) 5 thẻ rời, mỗi thẻ minh họa một gương mặt cảm xúc, kích thước (148x105)mm, in màu trên nhựa (hoặc vật liệu có độ cứng tương đương), không cong vênh, chịu được nước, có màu tươi sáng, an toàn trong sử dụng.	x		Bộ	1 bộ/lớp
						x	Bộ	1bộ/6hs

IX. Danh mục thiết bị dùng chung

Số TT	Tên thiết bị	Mục đích sử dụng	Mô tả chi tiết về thiết bị dạy học	Đối tượng sử dụng		Đơn vị	Số lượng
				GV	HS		
1	Bảng nhóm	Dùng chung cho toàn trường, tất cả các môn học và hoạt động giáo dục.	Kích thước (400x600x0,5)mm, một mặt màu trắng in dòng kẻ li dùng để viết bút dạ xóa được; một mặt màu xanh, dòng kẻ ô vuông trắng dùng để viết phấn.		x	Chiếc	1 chiếc/6hs
2	Tủ đựng thiết bị		Kích thước (1760x1060x400)mm; ngăn đựng có thể thay đổi được chiều cao; cửa có khóa; chắc chắn, bền vững, đảm bảo an toàn khi sử dụng.	x	x	Chiếc	1 chiếc/lớp
3	Bảng phụ		Kích thước (700x900x0,5)mm, một mặt màu trắng in dòng kẻ li	x		Chiếc	1 chiếc/lớp

Số TT	Tên thiết bị	Mục đích sử dụng	Mô tả chi tiết về thiết bị dạy học	Đối tượng sử dụng		Đơn vị	Số lượng
				GV	HS		
			dùng để viết bút dạ xoá được; một mặt màu xanh, dòng kẻ ô vuông trắng dùng để viết phần.				
4	Radio - Castsete		Loại thông dụng dùng được đĩa CD và USB Nguồn tự động 90 V – 240 V/50 Hz	x		Chiếc	1 chiếc/ 5lớp
5	Loa cầm tay		Loại thông dụng	x		Chiếc	1 chiếc/ 10lớp
6	Nam châm		Loại thông dụng.	x		Chiếc	20 chiếc/ lớp
7	Nẹp treo tranh		Khuôn nẹp ống dạng dẹt; kích cỡ dày 6mm, rộng 13mm, dài (1090mm, 1020mm, 790mm, 720mm, 540mm, 290mm), bằng nhựa PVC, có 2 móc để treo.	x		Chiếc	20 chiếc/ trường
8	Giá treo tranh		Loại thông dụng.	x		Chiếc	3 chiếc/ trường
9	Thiết bị trình chiếu						1 bộ (hoặc chiếc)/5 lớp
9.1	Máy tính (để bàn hoặc xách tay)	Dùng chung cho toàn trường, tất cả các môn học và hoạt động giáo dục (căn cứ điều kiện thực tế của nhà trường để lựa chọn cho phù hợp)	Loại thông dụng, tối thiểu phải cài đặt được các phần mềm phục vụ dạy học chương trình môn Tin học cấp Tiểu học.	x		Bộ	
9.2	Máy chiếu		Loại thông dụng, cường độ sáng tối thiểu 3000 Ansi Lumens; có màn chiếu	x		Bộ	
9.3	Ti vi		Hệ màu: Đa hệ Màn hình tối thiểu 29 inch. Hệ thống FVS; có hai đường tiếng (Stereo); công suất tối thiểu	x		Chiếc	



Số TT	Tên thiết bị	Mục đích sử dụng	Mô tả chi tiết về thiết bị dạy học	Đối tượng sử dụng		Đơn vị	Số lượng
				GV	HS		
			đường ra 2x10 W; Có chức năng tự điều chỉnh âm lượng; dò kênh tự động và bằng tay. Ngôn ngữ hiển thị có Tiếng Việt Có đường tín hiệu vào dưới dạng: AV, S-Video, DVD, HDMI, USB. Nguồn tự động 90 V – 240 V/50 Hz				
9.4	Đầu DVD		Độc đĩa DVD, VCD/CD, CD – RW, MP3, JPEG. Hệ màu: Đa hệ. Tín hiệu ra dưới dạng: AV, Video Component, S-video, HDMI. Phát lặp từng bài, từng đoạn tùy chọn hoặc cả đĩa. Nguồn tự động từ 90 V – 240 V/ 50 Hz.	x		Chiếc	

Ghi chú: Các tranh/ảnh dùng cho giáo viên có thể thay thế bằng tranh/ảnh điện tử.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG



Nguyễn Hữu Độ